TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 191 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2025
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân và bà Nguyễn Thị Thu HIền

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Tô Tấn Cường– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ, ngày13 tháng 03 năm 2025, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 901/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lưu Thị D, sinh năm 1990, có mặt

Địa chỉ:Thôn Ph, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Trần Văn Đ, sinh năm 1993, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Lưu Thị D trình bày: Giữa chị với anh Trần Văn Đ tự tìm hiểu thời gian 1 năm, tự nguyện đi đến nhôn nhân,đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thuận, huyện T vào năm 2015. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị cờ bạc bán hai nhà để trả nợ , gia đình khuyên ngăn nhưng chồng chị không nghe. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Lưu Bảo N, sinh ngày

30/4/2016, hiện con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị xin nuôi con, Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai tự thỏa thuận về tài sản chung, vợ chồng không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra Chị D không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của Chị D ly hôn với anh Đ .Về quan hệ nuôi con chung: Đề nghị giao con chung của Chị D và anh Đ tên là Trần Lưu Bảo N, sinh ngày 30/4/2016, cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng Chị D là phù hợp với nguyện vọng của con.Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét.Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Văn Đ cư trú tại Thôn Ph, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Đ vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Lưu Thị D và anh Trần Văn Đ tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2015, có đăng ký kết hôn số 92, ngày 01/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa Chị D và anh Đ là hợp pháp. Theo chị Chị D khai trong thời gian sống chung, anh Đ mê cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho vợ con, vợ chồng đã bán 02 ngôi nhà để trả nợ cho anh Đ. Trong khi

Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của Chị D tại địa phương nơi anh Đ cư trú nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh Đ không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của Chị D và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị D và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho Chị D được ly hôn anh Đ.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Giữa Chị D và anh Đ có 01 con chung tên là Trần Lưu Bảo N, sinh ngày 30/4/2016, hiện con đang ở cùng chị. Nay ly hôn Chị D xin nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Chị D là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và quy định pháp luật nên giao cháu N cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai tự thỏa thuận tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Chị D đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị D ly hôn anh Trần Văn Đ.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của Chị D và anh Đ tên là Trần Lưu Bảo N, sinh ngày 30/4/2016 , cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng Chị D. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003037, ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
-UBND xã Ph1
(số 92 Ngày 01/9/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy